

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH | 02-03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05-06 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 07 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 08-09 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10-40 |

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|---------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20/04/2020 |
| Ông Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20/04/2020 |
| Bà Hà Thị Mai Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/04/2020 |
| Bà Nguyễn Thị Đông | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/04/2020 |

Ban Giám đốc

| | | |
|---------------------------|-------------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 28/04/2020 |
| Ông Hoàng Văn Hưng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28/04/2020 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc | |

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------------|------------|
| Bà Đặng Thị Phương Thảo | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên |
| Bà Trần Thị Thu Trang | Thành viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Nguyễn Thị Thanh Hương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1,

Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 348/2021/BCKT.TC-NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 687.051.801.844 | 773.651.060.805 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 11.224.313.832 | 22.002.756.461 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.492.313.832 | 22.002.756.461 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 4.732.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 10.300.000.000 | 10.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 10.300.000.000 | 10.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 645.475.219.994 | 727.703.224.974 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 168.769.682.234 | 465.613.685.620 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 482.556.633.184 | 262.818.404.259 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 7.000.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 1.670.008.030 | 4.635.042.532 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (7.521.103.454) | (12.363.907.437) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 16.729.055.775 | 9.812.964.256 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 16.729.055.775 | 9.812.964.256 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.323.212.243 | 4.132.115.114 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13 | 123.543.221 | 409.128.431 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.759.888.384 | 3.722.246.983 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 16 | 439.780.638 | 739.700 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 535.631.242.305 | 774.247.327.401 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 223.644.327.469 | 233.670.530.875 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 141.242.677.469 | 151.268.880.875 |
| - Nguyên giá | 222 | | 182.710.053.986 | 181.230.007.167 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (41.467.376.517) | (29.961.126.292) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 82.401.650.000 | 82.401.650.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 82.401.650.000 | 82.401.650.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.332.157.637 | 1.203.262.182 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.332.157.637 | 1.203.262.182 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6 | 31.455.256.918 | 244.114.121.482 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | 107.806.228.732 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 54.160.000.000 | 233.503.969.597 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (22.704.743.082) | (97.196.076.847) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 279.199.500.281 | 295.259.412.862 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 279.199.500.281 | 287.805.875.611 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | | - | 7.453.537.251 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.222.683.044.149 | 1.547.898.388.206 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 604.453.905.624 | 830.520.339.708 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 490.955.774.365 | 690.242.457.369 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 173.749.348.599 | 123.745.717.691 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 988.344.900 | 282.732.269.242 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 35.139.259 | 4.544.550.415 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 93.138.574 | 126.637.305 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 73.540.578.924 | 34.794.058.602 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18 | 234.772.999.972 | 236.522.999.977 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 7.776.224.137 | 7.776.224.137 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 113.498.131.259 | 140.277.882.339 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 18 | 106.277.166.624 | 132.060.166.591 |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 7.220.964.635 | 8.217.715.748 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 618.229.138.525 | 717.378.048.498 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 618.229.138.525 | 717.378.048.498 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (3.249.100.000) | (3.249.100.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 15.692.449.297 | 15.692.449.297 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (93.012.034.198) | 4.582.859.832 |
| - LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước | 421a | | 4.582.859.832 | 177.694.379.607 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (97.594.894.030) | (173.111.519.775) |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 5.498.543.426 | 7.052.559.369 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | 440 | | 1.222.683.044.149 | 1.547.898.388.206 |


Trần Xuân Đạt
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 1.203.833.944.092 | 1.431.065.001.206 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 1.203.833.944.092 | 1.431.065.001.206 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 1.223.390.453.126 | 1.413.785.252.692 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | (19.556.509.034) | 17.279.748.514 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 2.571.847.343 | 9.123.259.402 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 79.279.979.910 | 166.269.526.966 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 41.838.111.582 | 45.201.379.076 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 740.101.971 | 432.604.186 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 106.942.392 | 14.238.969.662 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 5.631.276.884 | 12.393.011.084 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)) | 30 | | (101.262.758.906) | (166.065.895.610) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 26 | 3.481.058.089 | 4.319.911.462 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 27 | 1.167.364.407 | 6.985.922.001 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 2.313.693.682 | (2.666.010.539) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (98.949.065.224) | (168.731.906.149) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | - | 1.475.987.697 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 29 | (996.751.113) | 4.065.507.586 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (97.952.314.111) | (174.273.401.432) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | (97.288.091.678) | (173.111.519.775) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | (664.222.433) | (1.161.881.657) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 30 | (1.413) | (2.514) |


Trần Xuân Đạt
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (98.949.065.224) | (168.731.906.149) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 11.758.548.420 | 14.619.607.439 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (79.334.137.748) | 81.242.389.096 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (411.307.760) | (125.818.392) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 109.538.088.864 | 15.752.891.987 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 41.838.111.582 | 45.201.379.076 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | 402.600.385 | 4.265.066.253 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (15.157.161.481) | (7.776.390.690) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 80.070.816.089 | (16.842.698.493) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (6.916.091.519) | 369.446.593 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (24.540.597.815) | 111.139.721.090 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 8.819.998.037 | 10.087.930.105 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (723.939.097) | (14.753.468.372) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (3.365.027.722) | (4.458.924.481) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | (137.805.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 38.187.996.492 | 77.627.810.752 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.410.333.637) | (21.636.831.728) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 1.272.727.273 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (300.000.000) | (7.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 7.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (54.160.000.000) | (9.800.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 28.510.447.991 | 177.800.005.248 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | (72.780.908) | 973.147.277 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (21.432.666.554) | 141.609.048.070 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 6.000.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 88.042.927.784 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (27.532.999.972) | (315.613.662.868) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (27.532.999.972) | (221.570.735.084) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | | (10.777.670.034) | (2.333.876.262) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 22.002.756.461 | 24.337.271.891 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (772.595) | (639.168) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 5 | <u>11.224.313.832</u> | <u>22.002.756.461</u> |

Trần Xuân Đạt
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Sự bùng phát của đại dịch Covid đã mang lại thách thức chưa từng có và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất nhập khẩu và dịch vụ cảng ICD của Công ty. Bên cạnh đó, Biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn ra khốc liệt trong năm 2020, khô hạn kéo dài tại nhiều địa phương trên cả nước, thời tiết có nhiều diễn biến cực đoan như giông, lốc xoáy, mưa đá, mưa axit gây thiệt hại nghiêm trọng tại khu vực miền Bắc. Tình hình hạn hán, bão lũ xảy ra tại miền Trung và xâm nhập mặn kéo dài trên diện rộng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã làm giảm diện tích canh tác, ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây trồng và trực tiếp làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân từ 18 - 25% so với mọi năm.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:**

| Tên công ty | Trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--------------|---------------|------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ | Hải Phòng | 98,63% | 98,63% | Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu |

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 | năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài-ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.687.817.886 | 4.502.335.764 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.804.495.946 | 17.500.420.697 |
| Các khoản tương đương tiền | 4.732.000.000 | - |
| | <u>11.224.313.832</u> | <u>22.002.756.461</u> |

Tại 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.732.000.00 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| | 10.300.000.000 | 10.300.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | 10.300.000.000 | 10.300.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | 10.300.000.000 | 10.300.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | - | - | 105.881.626.363 | 107.806.228.732 |
| Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất | - | - | 105.881.626.363 | 107.806.228.732 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 54.160.000.000 | (22.704.743.082) | 233.503.969.597 | (97.196.076.847) |
| Công ty CP DAP - Vinachem | - | - | 233.503.969.597 | (97.196.076.847) |
| Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam | 4.560.000.000 | (255.575.748) | - | - |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn | 34.000.000.000 | (19.264.708.887) | - | - |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội | 15.600.000.000 | (3.184.458.447) | - | - |
| | 54.160.000.000 | (22.704.743.082) | 339.385.595.960 | (97.196.076.847) |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy | 15.424.629.897 | 77.829.055.817 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú | - | 47.575.714.588 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn | 33.583.282.094 | 134.055.015.854 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội | 4.525.020.716 | 189.990.588.216 |
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang | 20.936.250.000 | - |
| Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam | 82.136.400.000 | - |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 12.164.099.527 | 16.163.311.145 |
| | 168.769.682.234 | 465.613.685.620 |

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai | - | - | 90.172.060.000 | - |
| Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG | 100.000.000.000 | - | 153.000.000.000 | - |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long | 70.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ | 72.063.362.995 | - | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu | 112.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang | 110.000.000.000 | - | - | - |
| Trả trước khác | 18.493.270.189 | (4.465.825.912) | 19.646.344.259 | (3.126.078.138) |
| | 482.556.633.184 | (4.465.825.912) | 262.818.404.259 | (3.126.078.138) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.144.277.808 | - | 291.863.014 | - |
| Phải thu về BHXH | 1.206.150 | - | 29.815.600 | - |
| Phải thu về BHYT | 212.850 | - | - | - |
| Phải thu về NHTN | 94.600 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ | 375.000.000 | - | 3.911.103.000 | - |
| Phải thu khác | 149.216.622 | - | 402.260.918 | - |
| | 1.670.008.030 | - | 4.635.042.532 | - |

10 . NỢ XẤU

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|---|----------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| <i>Công ty CP DAP2- Vinachem</i> | - | - | 11.580.396.278 | 5.968.630.760 |
| <i>Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm</i> | 4.465.825.912 | - | 4.465.825.912 | 1.339.747.774 |
| <i>Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight</i> | 2.863.598.538 | - | 2.863.598.538 | - |
| <i>Đối tượng khác</i> | 191.679.004 | - | 1.007.087.917 | 244.622.674 |
| | 7.521.103.454 | - | 19.916.908.645 | 7.553.001.208 |

11 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 1.890.000 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 652.087.280 | - | - | - |
| Hàng hoá | 16.076.968.495 | - | 9.811.074.256 | - |
| | 16.729.055.775 | - | 9.812.964.256 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | | Thiết bị, dụng cụ quản lý | | Tài sản cố định khác | | Cộng | |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------|----------|---------------------------|----------|----------------------|----------|------------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 130.151.580.278 | 7.256.351.136 | 41.616.997.238 | 2.205.078.515 | - | - | - | - | - | - | 181.230.007.167 | |
| Mua sắm | 2.281.438.182 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.281.438.182 | |
| Giảm do thoái vốn tại Công ty con | (72.912.000) | (681.979.363) | (46.500.000) | - | - | - | - | - | - | - | (801.391.363) | |
| Tại ngày 31/12/2020 | 132.360.106.460 | 6.574.371.773 | 41.570.497.238 | 2.205.078.515 | - | - | - | - | - | - | 182.710.053.986 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 18.070.196.552 | 538.965.210 | 10.354.876.279 | 997.088.251 | - | - | - | - | - | - | 29.961.126.292 | |
| Trích khấu hao | 6.950.388.386 | 55.733.190 | 4.523.507.604 | 228.919.240 | - | - | - | - | - | - | 11.758.548.420 | |
| Giảm khác | (34.182.400) | (171.615.795) | (46.500.000) | - | - | - | - | - | - | - | (252.298.195) | |
| Tại ngày 31/12/2020 | 24.986.402.538 | 423.082.605 | 14.831.883.883 | 1.226.007.491 | - | - | - | - | - | - | 41.467.376.517 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 112.081.383.726 | 6.717.385.926 | 31.262.120.959 | 1.207.990.264 | - | - | - | - | - | - | 151.268.880.875 | |
| Tại ngày 31/12/2020 | 107.373.703.922 | 6.151.289.168 | 26.738.613.355 | 979.071.024 | - | - | - | - | - | - | 141.242.677.469 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 70.882.827 | 221.498.501 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 52.660.394 | 187.629.930 |
| | 123.543.221 | 409.128.431 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | | |
| Chi phí thuê đất (*) | 277.920.511.854 | 285.348.231.545 |
| Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất | - | 1.033.325.265 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | - | 125.835.323 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.278.988.427 | 1.298.483.478 |
| | 279.199.500.281 | 287.805.875.611 |

(*) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ. Diện tích đất thuê: 184.992 m² tại các vị trí CN4.4F, CN4.4G và CN4.4H Khu Công nghiệp Đình Vũ. Thời hạn thuê đất: đến hết ngày 23/06/2058. Tiền thuê đất được thanh toán 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê.

14 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm | - | 7.453.537.251 |
| | - | 7.453.537.251 |

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND |
| Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương | - | - | 92.668.333.224 | 92.668.333.224 |
| Fagro International Trading Fze | - | - | 9.635.322.438 | 9.635.322.438 |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai | 73.861.680.000 | 73.861.680.000 | - | - |
| Công ty CP Đầu tư Quốc tế Trần Anh | 36.400.000.000 | 36.400.000.000 | - | - |
| Công ty CP Ecoparadise Việt Nam | 25.522.200.000 | 25.522.200.000 | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 37.965.468.599 | 37.965.468.599 | 21.442.062.029 | 21.442.062.029 |
| | 173.749.348.599 | 173.749.348.599 | 123.745.717.691 | 123.745.717.691 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | Số phải thu đầu năm | | Số phải nộp đầu năm | | Số phải nộp trong năm | | Số đã thực nộp trong năm | | Số phải thu cuối năm | | Số phải nộp cuối năm | |
|--|---------------------|--|----------------------|--|-----------------------|--|--------------------------|--|----------------------|--|----------------------|-------------------|
| | VND | | VND | | VND | | VND | | VND | | VND | |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | | 58.720.756 | | 352.344.282 | | 750.105.976 | | 339.040.938 | | | |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | | 3.265.027.722 | | - | | 3.365.027.722 | | 100.000.000 | | | |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 739.700 | | 161.357 | | 42.645.814 | | 7.667.912 | | 739.700 | | | 35.139.259 |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất | - | | - | | 1.972.660 | | 1.972.660 | | - | | | - |
| Các loại thuế khác | - | | - | | 7.000.000 | | 7.000.000 | | - | | | - |
| Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | | 1.220.640.580 | | 126.332.723 | | 1.346.973.303 | | - | | | - |
| | 739.700 | | 4.544.550.415 | | 530.295.479 | | 5.478.747.573 | | 439.780.638 | | | 35.139.259 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 35.147.824 | 33.374.824 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 155.000.000 |
| Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hải Phòng | 24.549.863.011 | 9.207.945.205 |
| Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ đô | 19.551.542.818 | 12.275.047.945 |
| Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng | 27.891.341.297 | 9.395.581.491 |
| Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam | - | 2.498.630.137 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.512.683.974 | 1.228.479.000 |
| | <u><u>73.540.578.924</u></u> | <u><u>34.794.058.602</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2020 | | Trong năm | | 31/12/2020 | |
|---|------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả VND |
| a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn | | | | | | |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | 198.800.000.000 | 198.800.000.000 | - | (25.630.000.000) | 173.170.000.000 | 173.170.000.000 |
| - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam | 78.800.000.000 | 78.800.000.000 | - | (25.630.000.000) | 53.170.000.000 | 53.170.000.000 |
| - CN Thủ Đức ⁽¹⁾ | | | | | | |
| - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 | - | - | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| - CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾ | | | | | | |
| <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i> | 37.722.999.977 | 37.722.999.977 | 25.782.999.972 | (1.902.999.977) | 61.602.999.972 | 61.602.999.972 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng | 35.820.000.000 | 35.820.000.000 | 23.880.000.000 | - | 59.700.000.000 | 59.700.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng | 1.902.999.977 | 1.902.999.977 | 1.902.999.972 | (1.902.999.977) | 1.902.999.972 | 1.902.999.972 |
| | 236.522.999.977 | 236.522.999.977 | 25.782.999.972 | (27.532.999.977) | 234.772.999.972 | 234.772.999.972 |
| b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | | | | | | |
| <i>Vay dài hạn</i> | 169.783.166.568 | 169.783.166.568 | - | (1.902.999.972) | 167.880.166.596 | 167.880.166.596 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽³⁾ | 161.360.000.000 | 161.360.000.000 | - | - | 161.360.000.000 | 161.360.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾ | 8.423.166.568 | 8.423.166.568 | - | (1.902.999.972) | 6.520.166.596 | 6.520.166.596 |
| | 169.783.166.568 | 169.783.166.568 | - | (1.902.999.972) | 167.880.166.596 | 167.880.166.596 |
| Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 37.722.999.977 | 37.722.999.977 | 25.782.999.972 | (1.902.999.977) | 61.602.999.972 | 61.602.999.972 |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 132.060.166.591 | 132.060.166.591 | | | 106.277.166.624 | 106.277.166.624 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

| STT | Ngân hàng/Hợp đồng vay | Hạn mức | Mục đích vay | Thời hạn vay | Lãi suất vay | 31/12/2020 | Phương thức đảm bảo tiền vay |
|-----|--|-----------------|---|---|---|------------------------|-------------------------------------|
| | | | | | % | VND | |
| 1. | Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức | | | | | | |
| - | Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017 | 400.000.000.000 | Bổ sung vốn lưu động; phục vụ sản xuất kinh doanh | Hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2017 | Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng | 53.170.000.000 | Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản |
| 2. | Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng | | | | | | |
| - | Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV/201700161/HETD ngày 18/04/2017 | 120.000.000.000 | Bổ sung vốn lưu động; phục vụ sản xuất kinh doanh | Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký | Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng | 120.000.000.000 | Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản |
| | | | | | | 173.170.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| STT | Ngân hàng/Hợp đồng vay | Hạn mức | Mục đích vay | Thời hạn vay | Lãi suất vay: % | 31/12/2020 VND | Phương thức đảm bảo tiền vay |
|-----|--|-----------------|---|---|--|------------------------|---|
| 3 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng Hợp đồng tín dụng số 01/2016- HETDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015 | 231.495.000.000 | Thanh toán chi phí đầu tư của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ | 120 tháng kể từ ngày giải ngân | Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần | 161.360.000.000 | Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản |
| 4 | Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDDT/THU/01 ngày 13/02/2019 | 2.009.000.000 | Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes- Benz S450 và Phí bảo hiểm an tâm tin dụng | 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD | Lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng | 1.270.166.674 | Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay |
| - | Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDDT/THU/02 ngày 09/05/2019 | 7.499.999.886 | Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570 | 60 tháng kể từ ngày giải ngân | Lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng | 5.249.999.922 | Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay |
| | | | | | | 167.880.166.596 | |
| | | | | | | 61.602.999.972 | |
| | | | | | | 106.277.166.624 | |

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô J, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Gốc VND | Lãi VND | Gốc VND | Lãi VND |
| <i>Vay ngân hàng</i> | 334.530.000.000 | 71.992.747.126 | 334.530.000.000 | 30.729.138.907 |
| - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức | 53.170.000.000 | 19.551.542.818 | 53.170.000.000 | 12.275.047.945 |
| - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng | 120.000.000.000 | 24.549.863.011 | 120.000.000.000 | 9.207.945.205 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng | 161.360.000.000 | 27.891.341.297 | 161.360.000.000 | 9.246.145.757 |
| | 334.530.000.000 | 71.992.747.126 | 334.530.000.000 | 30.729.138.907 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư phát triển | | Lợi nhuận chưa phân phối | | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------|------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Năm 2019 | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 693.299.280.000 | (3.249.100.000) | | 9.761.921.400 | | 186.277.279.890 | | 2.025.955.801 | | 888.115.337.091 | |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| Lãi/lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | (173.111.519.775) | - | (1.161.881.657) | - | (174.273.401.432) | - |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 5.930.527.897 | - | (8.895.791.837) | - | (20.000.000) | - | (2.985.263.940) | - |
| Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu | - | - | - | - | - | 312.891.554 | - | 2.273.480.534 | - | 2.586.372.088 | - |
| Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con | - | - | - | - | - | - | - | (2.064.995.309) | - | (2.064.995.309) | - |
| Tại ngày 31/12/2019 | 693.299.280.000 | (3.249.100.000) | | 15.692.449.297 | | 4.582.859.832 | | 7.052.559.369 | | 717.378.048.498 | |
| Năm 2020 | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 693.299.280.000 | (3.249.100.000) | | 15.692.449.297 | | 4.582.859.832 | | 7.052.559.369 | | 717.378.048.498 | |
| Lãi/lỗ trong năm nay | - | - | - | - | - | (97.288.091.678) | - | (664.222.433) | - | (97.952.314.111) | - |
| Giảm do điều chỉnh các khoản LNST từ Công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | - | (306.802.352) | - | - | - | (306.802.352) | - |
| Giảm do thanh lý khoản đầu tư tại Công ty con | - | - | - | - | - | - | - | (889.793.510) | - | (889.793.510) | - |
| Tại ngày 31/12/2020 | 693.299.280.000 | (3.249.100.000) | | 15.692.449.297 | | (93.012.034.198) | | 5.498.543.426 | | 618.229.138.525 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ (%) | 31/12/2020 VND | Tỷ lệ (%) | 01/01/2020 VND |
|-----------------------|-------------|------------------------|-------------|------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Bình | 7,21% | 50.000.000.000 | 7,21% | 50.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hương | 13,27% | 92.005.790.000 | 13,27% | 92.005.790.000 |
| Các cổ đông khác | 79,52% | 551.293.490.000 | 79,52% | 551.293.490.000 |
| | 100% | 693.299.280.000 | 100% | 693.299.280.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 69.329.928 | 69.329.928 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 69.329.928 | 69.329.928 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 69.329.928 | 69.329.928 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 69.329.928 | 69.329.928 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 69.329.928 | 69.329.928 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 15.692.449.297 | 15.692.449.297 |
| | 15.692.449.297 | 15.692.449.297 |

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------|------------|------------|
| Đồng đô la Mỹ (USD) | 6.545,25 | 14.616,46 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt | 3.466.214.350 | 3.466.214.350 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.197.132.216.513 | 1.418.524.477.555 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.701.727.579 | 12.540.523.651 |
| | 1.203.833.944.092 | 1.431.065.001.206 |

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | - | 73.435.322.355 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 1.188.064.894.694 | 1.303.431.669.761 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 35.325.558.432 | 36.918.260.576 |
| | 1.223.390.453.126 | 1.413.785.252.692 |

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 779.633.886 | 827.711.233 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 163.931.884 | 6.140.709.866 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.216.973.813 | 2.029.019.911 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 411.307.760 | 125.818.392 |
| | 2.571.847.343 | 9.123.259.402 |

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 41.838.111.582 | 45.201.379.076 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm | 547.945.205 | 16.277.124.862 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 110.317.722.750 | 16.334.535.585 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.067.534.138 | 2.682.179.311 |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (74.491.333.765) | 85.774.234.950 |
| Chi phí tài chính khác | - | 73.182 |
| | 79.279.979.910 | 166.269.526.966 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | 65.859.071 | 277.107.267 |
| Chi phí nhân công | 6.136.980.592 | 8.188.433.570 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.213.255.398 | 1.221.413.616 |
| Thuế, phí, lệ phí | 8.972.660 | 54.052.235 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | (4.842.803.983) | (4.531.845.854) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.249.686.476 | 2.561.226.128 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.799.326.670 | 4.622.624.122 |
| | 5.631.276.884 | 12.393.011.084 |

26 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền phạt thu được | 3.344.329.162 | 77.141.064 |
| Thuế được giảm | 120.751.087 | - |
| Thu nhập từ nhận tài trợ | - | 2.403.176.038 |
| Thu nhập từ xóa nợ | 5.175.830 | 1.654.270.941 |
| Thu nhập khác | 10.802.010 | 185.323.419 |
| | 3.481.058.089 | 4.319.911.462 |

27 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 246.067.635 |
| Giá trị còn lại của tài sản giảm do thanh lý khoản đầu tư | 510.363.568 | - |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 231.000.000 | 31.402.507 |
| Các khoản thuế bị truy thu và phạt vi phạm hành chính | 113.302.801 | 6.310.042.054 |
| Chi phí tài trợ các chính sách phúc lợi xã hội | 118.000.000 | 180.000.000 |
| Chi phí khác | 194.698.038 | 218.409.805 |
| | 1.167.364.407 | 6.985.922.001 |

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | 1.475.987.697 |
| | - | 1.475.987.697 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 5.139.494.421 | 4.069.550.070 |
| Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (6.136.245.534) | (4.042.484) |
| | <u>(996.751.113)</u> | <u>4.065.507.586</u> |

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | (97.952.314.111) | (174.273.401.432) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (97.952.314.111) | (174.273.401.432) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 69.329.928 | 69.329.928 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>(1.413)</u> | <u>(2.514)</u> |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 26.830.924 | 63.638.010.837 |
| Chi phí nhân công | 7.310.560.346 | 10.208.563.495 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.346.779.350 | 14.619.607.439 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.471.683.145 | 19.506.334.540 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.939.600.903 | 8.114.661.130 |
| | <u>34.095.454.668</u> | <u>116.087.177.441</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.224.313.832 | - | 22.002.756.461 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 170.439.690.264 | (3.055.277.542) | 470.248.728.152 | (12.363.907.437) |
| Các khoản cho vay | - | - | 7.000.000.000 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 10.300.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn | 54.160.000.000 | (22.704.743.082) | 233.503.969.597 | (97.196.076.847) |
| | 246.124.004.096 | (25.760.020.624) | 742.755.454.210 | (109.559.984.284) |

| | Giá trị sổ kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
| | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 341.050.166.596 | 368.583.166.568 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 247.289.927.523 | 158.539.776.293 |
| | 588.340.094.119 | 527.122.942.861 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2020 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.224.313.832 | - | - | 11.224.313.832 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 167.384.412.722 | - | - | 167.384.412.722 |
| Đầu tư ngắn hạn | 10.300.000.000 | - | - | 10.300.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 31.455.256.918 | - | 31.455.256.918 |
| | 188.908.726.554 | 31.455.256.918 | - | 220.363.983.472 |
| Tại ngày 01/01/2020 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.002.756.461 | - | - | 22.002.756.461 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 457.884.820.715 | - | - | 457.884.820.715 |
| Các khoản cho vay | 7.000.000.000 | - | - | 7.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 10.000.000.000 | - | - | 10.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 136.307.892.750 | - | 136.307.892.750 |
| | 496.887.577.176 | 136.307.892.750 | - | 633.195.469.926 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2020 | | | | |
| Vay và nợ | 234.772.999.972 | 106.277.166.624 | - | 341.050.166.596 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 247.289.927.523 | - | - | 247.289.927.523 |
| | 482.062.927.495 | 106.277.166.624 | - | 588.340.094.119 |
| Tại ngày 01/01/2020 | | | | |
| Vay và nợ | 236.522.999.977 | 132.060.166.591 | - | 368.583.166.568 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 158.539.776.293 | - | - | 158.539.776.293 |
| | 395.062.776.270 | 132.060.166.591 | - | 527.122.942.861 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| Mối quan hệ | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|----------|----------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty CP DAP - VINACHEM (*) | - | 17.534.549.850 |

(*) Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty CP DAP-VINACHEM đã từ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2020.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 628.042.262 | 750.958.378 |
| Nguyễn Thị Thanh Hương | 304.725.536 | 284.147.173 |
| Nguyễn Mạnh Tuấn | 86.400.000 | 48.000.000 |
| Đình Thị Phương | 21.600.000 | 48.000.000 |
| Nguyễn Hoàng Lâm | 86.400.000 | 48.000.000 |
| Phạm Sỹ Thạc | - | 36.000.000 |
| Hoàng Văn Hưng | 61.899.892 | 134.579.455 |
| Nguyễn Thanh Bình | 67.016.834 | 152.231.750 |

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Trần Xuân Đạt
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số:0203/2021/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00o*****

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 97,952 tỷ đồng, giảm 76,321 tỷ đồng so với năm 2019. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2020 của Công ty đạt 1.203,834 tỷ đồng, giảm 227,231 tỷ đồng tương ứng giảm 15,88% so với năm 2019. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 6,551 tỷ đồng so với năm 2019. Chi phí khác giảm 5,819 tỷ đồng so với năm 2019.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 190,395 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,47% so với năm 2019. Chi phí tài chính giảm 86,990 tỷ đồng tương ứng giảm 52,32% so với năm 2019 do trong năm 2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính và lãi vay ngắn hạn. Thu nhập khác giảm 0,839 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 76,321 tỷ đồng tương ứng tăng 43,79% so với năm 2019.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả
kinh doanh hợp nhất năm 2020 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Thanh Hương

